

Số: /QĐ - UBND

Hương Khê, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch vùng
huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Văn bản số 722/KTHT ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Hà Tĩnh.

(Có quy định cụ thể kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Trưởng Ban quản lý dự án Quy hoạch xây dựng vùng huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Xây dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT-HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Tuấn Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN HƯƠNG KHÊ ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm
2024 của Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê)

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang trên địa bàn huyện Hương Khê, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

PHẦN II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN HƯƠNG KHÊ ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

1.1. Phạm vi, ranh giới: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Hương Khê (gồm 01 thị trấn và 20 xã: Thị trấn Hương Khê, Diên Mỹ, Gia Phố, Hà Linh, Hòa Hải, Hương Bình, Hương Đô, Hương Giang, Hương Lâm, Hương Liên, Hương Long, Hương Thủy, Hương Trà, Hương Trạch, Hương Vĩnh, Hương Xuân, Lộc

Yên, Phú Gia, Phú Phong, Phúc Đồng, Phúc Trạch); với tổng diện tích tự nhiên: 1.262,94km².

1.2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp huyện Vũ Quang, huyện Can Lộc;
- Phía Nam giáp tỉnh Quảng Bình;
- Phía Đông giáp huyện Cẩm Xuyên, huyện Thạch Hà.
- Phía Tây giáp Lào.

2. Quy mô dân số

2.1. Hiện trạng: Tổng dân số 99.437 người (Trong đó dân số đô thị là 11.564 người).

2.2. Đến năm 2040: Tổng dân số khoảng 124.882 người, trong đó dân số đô thị đạt 41.594 người.

2.3. Đến năm 2050: Tổng dân số khoảng 141.438 người, trong đó dân số đô thị khoảng 49.975 người.

3. Quy mô đất đai

- Dự báo đất đai năm 2030: Đất ở mới phát triển đô thị tăng thêm 200 ÷ 250 ha; Đất phát triển các điểm dân cư nông thôn tăng thêm 150 ÷ 200 ha; Đất dịch vụ, công cộng tăng thêm 150 ÷ 200 ha; Đất du lịch tăng thêm 100 ÷ 160 ha; Đất công nghiệp tăng thêm 100 ÷ 155 ha; Đất sản xuất nông nghiệp giảm 650 ÷ 800 ha.

- Dự báo biến động đất đai giai đoạn 2030-2040: Đất ở mới phát triển đô thị tăng thêm 100 ÷ 150 ha; Đất phát triển các điểm dân cư nông thôn tăng thêm 100 ÷ 150 ha; Đất dịch vụ, công cộng tăng thêm 200 ÷ 300 ha; Đất du lịch tăng thêm 100 ÷ 150 ha; Đất công nghiệp tăng thêm 10 ÷ 20 ha; Đất sản xuất nông nghiệp giảm 550 ÷ 850 ha.

- Dự báo biến động đất đai giai đoạn 2040-2050: Đất ở mới phát triển đô thị tăng thêm 50 ÷ 75ha; Đất phát triển các điểm dân cư nông thôn tăng thêm 100 ÷ 150 ha; Đất dịch vụ, công cộng tăng thêm 30 ÷ 50 ha; Đất du lịch tăng thêm 50 ÷ 75 ha; Đất công nghiệp không tăng thêm; Đất sản xuất nông nghiệp giảm 200 ÷ 370 ha.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

*Quan điểm phát triển vùng:

- Phát triển không gian vùng huyện Hương Khê phát triển đa dạng, phù hợp đặc điểm tự nhiên và vị trí địa lý của các vùng sinh thái: Vùng đồi núi cao, trung du miền núi.

- Phát triển thị trấn Hương Khê trở thành đô thị trung tâm của huyện; các đô thị Phúc Đồng, Hương Trà, Hương Trạch, trở thành các đô thị động lực cho các vùng trong huyện.

- Xây dựng huyện Hương Khê đạt chuẩn nông thôn mới, tiến tới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phát triển bền vững, có mũi nhọn và thích ứng biến đổi khí hậu toàn cầu. Tận dụng lợi thế sẵn có về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, cơ sở văn hóa, đầu mối giao thông, phát triển vùng huyện Hương Khê bền vững, ổn định, cân bằng từ đô thị đến nông thôn trong sự phát triển chung toàn tỉnh và quốc gia và thích ứng biến đổi khí hậu.

*Hướng phát triển trọng tâm: Phát triển nông lâm nghiệp theo hướng tái sử dụng rừng tự nhiên, cơ cấu thành các vùng sản xuất tập trung, gắn liền với chế biến nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa, tâm linh. Đẩy mạnh phát triển nông thôn mới, tạo tiền đề cho thị trấn Hương Khê lên đô thị loại IV và hình thành các đô thị mới đạt đô thị loại V.

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

1.1. Cụm công nghiệp làng nghề Gia Phố: Đến năm 2030 diện tích 11,07ha, giai đoạn sau 2030 giữ nguyên diện tích 11,07ha; vị trí tại xã Gia Phố, huyện Hương Khê; nguồn gốc sử dụng đất hiện trạng chủ yếu là đất trồng cây lâu năm và hàng năm đã được giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân. Dự kiến hoàn thành hạ tầng trước năm 2025. Là cụm công nghiệp đa ngành nghề.

1.2. Cụm công nghiệp Hương Phúc: Đến năm 2030 diện tích 50ha, giai đoạn sau 2030 diện tích 60 ha; vị trí tại 2 xã Phúc Trạch và Hương Trạch, huyện Hương Khê; nguồn gốc sử dụng đất hiện trạng chủ yếu là đất lúa, một phần đất ở và đất trồng cây lâu năm đã được giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân.

1.3. Cụm công nghiệp Hương Long: Quy hoạch đến năm 2030 diện tích 25ha, giai đoạn sau năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 diện tích vẫn giữ nguyên 25ha; vị trí tại xã Hương Long, huyện Hương Khê; nguồn gốc đất hiện trạng chủ yếu là đất trồng cây lâu năm và một phần đất ở đã được giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân.

1.4. Cụm công nghiệp Phúc Đồng: Đến năm 2030 diện tích 70 ha, giai đoạn sau năm 2030 diện tích vẫn giữ nguyên 70ha; vị trí tại xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê; nguồn gốc sử dụng đất hiện trạng chủ yếu là đất lúa và đất hoa màu đã được giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Bên cạnh đó phát triển các khu vực tiêu thụ công nghiệp ở các xã đã có trong quy hoạch nông thôn mới.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

2.1. Đối với vùng đồi núi cao, vùng đầu nguồn phù hợp với trồng cây bản địa, trồng cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên, trồng rừng gỗ lớn và thảm thực vật, nhằm tạo nguồn sinh thủy, đảm bảo môi trường sinh thái, như các xã: Hương Lâm, Hương Liên, Phú Gia, Hương Vĩnh, Hòa Hải...; những vùng đồi núi có độ dốc vừa phải phù hợp với vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung gồm các xã: Hà Linh, Điền Mỹ, Hương Giang, Hương Long, Hương Bình...

2.2. Đối với vùng đồi núi tương đối bằng, vùng chỉ dẫn địa lý phù hợp với trồng cây ăn quả đặc sản, như: Bưởi Phúc Trạch, Cam, trồng cây Dó trầm, trồng chè như các xã: Hương Trạch, Phúc Trạch, Hương Đô, Lộc Yên, Hương Trà (trồng chè)...

2.3. Vùng đất bãi bồi dọc ven sông Ngàn sâu, sông Tiêm tập trung phát triển trồng ngô, đậu, lạc và rau màu các loại tại các xã có diện tích lớn và tập trung như: Điền Mỹ, Hà Linh, Gia Phố, Hương Thủy, Lộc Yên, ...

2.4. Vùng có hồ, đập lớn, điều kiện tưới tiêu thuận lợi tập trung đầu tư thâm canh đưa các bộ giống lúa mới có năng suất, chất lượng, giá trị cao vào sản xuất theo hướng hàng hóa tại các xã, như: Hòa Hải, Hương Giang, Hương Thủy, Gia Phố...; Đối với đất lúa ở những vùng cao không chủ động nước, chuyển đổi sang trồng cây cạn như ngô, cỏ phục vụ phát triển chăn nuôi...

2.5. Vùng chăn nuôi: Giai đoạn đến năm 2025 thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Hương Khê lần thứ XXX, nhiệm kỳ 2020-2025, giai đoạn 2026-2040 tập trung phát triển vào các mô hình trang trại có quy mô lớn đảm bảo vệ sinh môi trường theo hướng, như: Giảm chăn nuôi lợn, nhất là giảm chăn nuôi lợn trong khu dân cư, tập trung phát triển chăn nuôi: Trâu, Bò, Hươu, Dê, gia cầm.... tại địa bàn các xã: Hương Xuân, Hương Vĩnh, Phú Gia, Hương Long, Hương Bình, Hà Linh, Điền Mỹ..., phát triển vùng chăn nuôi bò sữa diện tích khoảng 350ha ở các xã Hương Xuân, Hương Vĩnh.

2.6. Vùng nuôi trồng thủy sản: Với lợi thế là các hồ đập và diện tích mặt nước ao, hồ lớn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Theo định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản, trên địa bàn huyện Hương Khê có khoảng 420 ha quy hoạch nuôi trồng thủy sản nước ngọt (bao gồm: nuôi ao hồ nhỏ 140 ha, hồ đập nhỏ dưới 5ha là 60 ha, nuôi mặt nước lớn diện tích lớn hơn 5ha là 200 ha, nuôi ruộng trũng và thùng đấu 20 ha).

3. Quy định đối với vùng không gian phát triển kinh tế

3.1. Định hướng vùng, không gian phát triển kinh tế trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Vùng kinh tế phía Bắc: Thuộc khu vực các xã Hà Linh, Điền Mỹ, Hương Thủy, Hòa Hải, Hương Giang và đô thị Phúc Đồng. Là trung tâm kinh tế động lực phía Bắc của huyện, trọng tâm là đô thị Phúc Đồng, tạo ra động lực phát triển kinh tế cho khu vực này và các vùng phụ cận, gắn với phát triển kinh tế dọc đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 15 và các ga tàu đường sắt Bắc Nam.

3.3. Vùng kinh tế trung tâm: Thuộc khu vực thị trấn Hương Khê và các xã Lộc Yên, Hương Xuân, Phú Phong, Hương Vĩnh, Hương Long, Hương Bình, Gia Phố, Phú Gia và Hương Trà. Là vùng trung tâm kinh tế toàn huyện, trọng tâm là đô thị Thị trấn Hương Khê (đô thị Trung tâm) tạo ra động lực phát triển kinh tế trong khu vực và các vùng phụ cận; cùng với phát triển đô thị tạo ra chuỗi phát triển dọc theo đường Hồ Chí Minh, đường tỉnh lộ 553 và các ga tàu đường sắt Bắc Nam.

3.4. Vùng kinh tế phía Nam: Thuộc khu vực các xã, Hương Đô, Phúc Trạch, Hương Lâm, Hương Liên, Hương Trạch. Là trung tâm kinh tế phía Nam của 6 huyện, trọng tâm là đô thị La Khê, Tạo ra động lực phát triển cho khu vực này và các vùng phụ cận gắn với phát triển kinh tế dọc tuyến đường Hồ Chí Minh và các ga tàu đường sắt Bắc Nam.

4. Quy định đối với vùng không gian phát triển du lịch

4.1. Định hướng vùng, không gian phát triển du lịch trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

4.2. Vùng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp các hồ đập: Thuộc khu vực rừng núi các xã Hương Lâm, Hương Liên, Hương Vĩnh, Phú Gia, Hương Bình, Hòa Hải. Định hướng quy hoạch khu du lịch sinh thái Thác Vũ Môn là khu du lịch trọng điểm của huyện, dự kiến có tổng diện tích khoảng 350ha trải dài từ khu dân cư và đồn biên phòng lên đến khu vực thác.

4.3. Vùng du lịch văn hóa tâm linh, lịch sử: Thuộc các xã: Hương Trạch, Hương Đô, Phú Phong, Hương Vĩnh, Phú Gia, Gia Phố. Huyện Hương Khê có nhiều các di tích lịch sử cấp Quốc gia, cấp tỉnh là một tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tâm linh sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm vườn đồi, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm.

4.4. Vùng du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm trang trại, vườn đồi theo chương trình nông thôn mới: Hình thức du lịch kết hợp sản xuất với các vườn mẫu, các trang trại, các khu homestay, du lịch trải nghiệm sẽ là hướng phát triển mới góp phần giới thiệu sản phẩm, phát triển thương hiệu sản phẩm địa phương đến với du khách, sẽ góp một phần không nhỏ phát triển kinh tế du lịch cho toàn huyện.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

1.1. Định hướng vùng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hương Khê đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2030 phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 23/01/2017.

1.2. Vùng dân cư đô thị và nông thôn được bố trí trên cơ sở các đồ án quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch phân khu thị trấn. Phân bố trên 20 xã và 01 thị trấn. Đây là diện tích để phát triển nhà ở tại các địa phương. Tuy nhiên sau năm 2030 một số dân cư nông thôn sẽ chuyển đổi thành dân cư đô thị bởi sự hình thành các đô thị loại V như Phúc Đồng, La Khê (Hương Trạch) và sự mở rộng của đô thị Hương Khê.

1.3. Thị trấn Hương Khê: Là đô thị Trung tâm; trên cơ sở ranh giới Thị trấn Hương Khê hiện trạng sáp nhập thêm xã Phú Phong và một phần địa giới hành chính các xã : Hương Xuân, Phú Gia, Gia Phố, Hương Long từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các điều kiện về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

đến năm 2030 đáp ứng các tiêu chí đô thị loại IV. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội của toàn huyện; là đô thị trọng điểm trong phát triển kinh tế chuỗi đô thị dọc theo đường Hồ Chí Minh và các ga tàu đường sắt Bắc Nam.

1.4. Đô thị Phúc Đồng: Trên cơ sở ranh giới xã Phúc Đồng hiện trạng, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các điều kiện về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh để đến năm 2030 đáp ứng các tiêu chí đô thị loại V, sau năm 2030 được định hướng là đô thị loại V; phát triển chủ lực vào công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, logistic, là đô thị động lực cho vùng phía Bắc của huyện gắn với đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15 và đường sắt Bắc Nam.

1.4. Đô thị Hương Trà: Trên cơ sở ranh giới xã Hương Trà hiện trạng, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các điều kiện về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh để đến năm 2030 đáp ứng các tiêu chí đô thị loại V, giai đoạn sau năm 2030 từng bước định hướng phát triển thành khu vực phụ cận thị trấn Hương Khê. Phát triển chủ lực vào dịch vụ, thương mại, kết hợp với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, logistic và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như chè, cây ăn quả như bưởi, cam... Là đô thị động lực cho vùng trung tâm của huyện gắn với đường Hồ Chí Minh, đường tỉnh 553 và tuyến đường sắt Bắc Nam.

1.5. Đô thị La Khê: Trên cơ sở ranh giới xã Hương Trạch hiện trạng, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các điều kiện về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh để đến năm 2030 đáp ứng các tiêu chí đô thị loại V, sau năm 2030 được định hướng là đô thị loại V. Tập trung đầu tư, phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, logistic và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như bưởi Phúc Trạch, cam Khe Mây, cây Dó Trâm,... Là đô thị động lực cho vùng phía Nam của huyện gắn với đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 15 và các ga tàu đường sắt Bắc Nam.

2. Quy định về quản lý vùng nông thôn

2.1. Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “ Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “ Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn với nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển.

2.2. Vùng dân cư nông thôn: Vùng dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Phân bố trên địa bàn các xã với tổng diện tích đất phát triển điểm dân cư nông thôn tăng thêm đến năm 2040 khoảng 100÷150 ha; đến năm 2050 tăng thêm khoảng 100 ÷ 150 ha.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Quy định về trung tâm hành chính

Hạ tầng xã hội cấp huyện: Tập trung chủ yếu ở đô thị TT Hương Khê với quỹ đất xây dựng các công trình chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, y tế, TDTT ... cấp thị trấn trở lên. Vị trí cụ thể được quy định tại các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Hạ tầng xã hội cấp đô thị: Tập trung chủ yếu ở 04 đô thị: Thị trấn Hương Khê, Phúc Đông, La Khê và Hương Trà với quỹ đất xây dựng các công trình chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, y tế, TDTT ... cấp đô thị. Vị trí cụ thể được quy định tại các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Hạ tầng xã hội cấp xã: Được bố trí tại trung tâm của các xã, bao gồm quỹ đất xây dựng các công trình thiết chế chính trị, văn hóa xã hội cấp xã. Các vị trí công trình cụ thể được quy định trong các đồ án quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch khu trung tâm.

1.2. Quy định đối với mạng lưới công trình Y tế

Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất trang thiết bị khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện hiện đại và đồng bộ để đảm bảo hoạt động khám chữa bệnh, công tác dự phòng tại các địa phương. Hoàn thiện việc đầu tư mạng lưới trạm y tế xã, thị trấn phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Xây dựng các giải pháp, chính sách đủ mạnh để mời gọi, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư phát triển các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn; có kế hoạch sử dụng đất trong đó bố trí các vị trí khu đất để mời gọi nhà đầu tư.

1.3. Quy định đối với mạng lưới Văn hóa, Thể thao

Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao của huyện tại thị trấn Hương Khê. Nâng cấp, xây mới các Nhà văn hóa xã, thôn, tổ dân phố và xây dựng mạng lưới công trình thể thao cấp xã, thôn, tổ dân phố đạt chuẩn.

1.4. Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục

Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, đặc biệt là ở các xã vùng sâu, vùng xa. Nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu về nội dung của Chương trình giáo dục phổ thông mới.

1.5. Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu hướng mới.

Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch; Xây dựng Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ hiện đại, đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

Tại khu vực nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, quy mô từ 3-10ha, đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc.

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

2.1. Quy định quản lý cao độ nền

Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng, khoa học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đối với các khu vực đã có quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết) thì tuân thủ theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

Đối với các khu vực chưa có quy hoạch xây dựng: Chọn cốt xây dựng đảm bảo an toàn cho các khu vực xây dựng, phù hợp với đặc điểm, tần suất chống lũ, có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu.

2.2. Quy định đối với công trình giao thông

Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Tĩnh, phù hợp với định hướng phát triển theo đồ án quy hoạch vùng huyện Hương Khê.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các tuyến đường, hoàn thiện hệ thống công trình đầu mối giao thông.

* Định hướng phát triển giao thông:

- Quốc lộ đi qua địa bàn huyện Hương Khê có 02 tuyến Quốc lộ, bao gồm:
 - + Đường Hồ Chí Minh: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 41km.
 - + Quốc lộ 15: Đoạn 1: Động Bụt - Phúc Đồng, dài 15,8km; đoạn 2: thị trấn Hương Khê - La Khê dài 22,5km.
- Đường tỉnh: Huyện Hương Khê có 01 tuyến đường tỉnh ĐT553 đi qua địa bàn huyện có tổng chiều dài khoảng 39,68km, điểm đầu bắt đầu từ địa phận xã Lộc Yên, điểm cuối tại Bản Giàng xã Hương Vĩnh.
- Đường huyện: Toàn huyện có 14 tuyến với tổng chiều dài 157,1km.
- Đường liên xã: Toàn huyện có 13 tuyến với tổng chiều dài 106,74km.
- Đường sắt: Tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua huyện Hương Khê có chiều dài 45 km khổ 1,0m.
- Đường thủy: Gồm có 01 tuyến là tuyến sông Ngàn Sâu đoạn qua địa bàn huyện Hương Khê có chiều dài 45km, chiều rộng lòng mùa cạn khoảng 40m; chiều sâu lòng 3-4m, điểm đầu thượng nguồn tại xã Hương Vĩnh, điểm cuối giáp ranh huyện Đức Thọ.
- Bến thủy nội địa: Trên địa bàn huyện Hương Khê định hướng quy hoạch hai bến thủy nội địa như sau:
 - + Bến Lộc Yên tại KM68+00 thuộc sông Ngàn Sâu.
 - + Bến Địa Lợi Hà Linh tại KM 51+00 thuộc sông Ngàn Sâu.
- Công trình phục vụ giao thông: Quy hoạch 02 tuyến xe buýt vận tải hành khách:
 - + Tuyến thành phố Hà Tĩnh-Thị trấn Hương Khê - Ga La Khê xã Hương Trạch.
 - + Tuyến thị trấn Hương Khê - thành phố Vinh.

- Quy hoạch mới 01 bến xe Hương Khê với quy mô loại 3, diện tích khoảng 5.000m².

2.3. Quy định đối với công trình cấp nước

Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, phù hợp với xu thế mới.

- Phân vùng cấp nước sinh hoạt:

+ Vùng 1: Cấp nước cho các xã: Hòa Hải, đô thị Phúc Đồng và Điền Mỹ, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Hòa Hải, đến năm 2050 công suất là 5.500 m³/ng.đ

+ Vùng 2: Cấp nước cho các xã: Hương Giang, Hà Linh, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Hương Giang, đến năm 2050 công suất là 2.000 m³/ng.đ.

+ Vùng 3: Cấp nước cho Thị trấn Hương Khê và các xã phụ cận gồm: Thị trấn Hương Khê, Lộc Yên, Hương Trà, đô thị Hương Trà, Phú Phong, Hương Xuân, Hương Vĩnh, Phú Gia, Hương Long, Hương Bình, Gia Phố, Hưng Đô, Hương Thủy nguồn nước được lấy từ nhà máy nước đầu nguồn sông Tiêm đặt tại xã Phú Gia; đến năm 2050 công suất là 16.000 m³/ng.đ.

+ Vùng 4: Cấp nước cho các xã: Phúc Trạch, xã Hương Trạch, đô thị La Khê và cụm công nghiệp Hương Phúc, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước xã Phúc Trạch, đến năm 2050 công suất là 5.500 m³/ng.đ.

+ Vùng 5: Cấp nước cho xã Hương Lâm, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Hương Lâm, đến năm 2050 công suất là 2.500 m³/ng.đ.

+ Vùng 6: Cấp nước cho xã Hương Liên, nguồn nước được lấy từ nhà máy nước Hương Lâm, đến năm 2050 công suất là 1.000 m³/ng.đ.

- Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ. Vật liệu ống bằng gang dẻo, nhựa HDPE. Duy trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống tránh thất thoát.

2.4. Quy định đối với công trình cấp điện

Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Hà Tĩnh.

Hương Khê sử dụng các nguồn điện:

- Từ trạm 110kV Hương Khê công suất 25MVA, có 04 lộ đường dây 35kV: 371, 373, 375, 377 (lộ 371, 373 để đầu nối thủy điện Hồ Hồ); 03 lộ đường dây 22kV để đầu nối vào lưới điện 10kV sau trạm trung gian Hương Khê.

- Từ đường dây 35kV trạm 110kV Thạch Linh (E18.1) đi Hương Khê,

- Từ đường dây 35kV trạm 110kV Đức Thọ (E18.2) đi Hương Khê,

- Từ đường dây 35kV trạm 110kV Hương Sơn (E18.8) đi Hương Khê.

Xây dựng các dự án năng lượng tái tạo, các tuyến truyền tải năng lượng xanh như: Các nhà máy điện mặt trời, điện gió trên lòng hồ, tại các diện tích đất năng suất thấp.

2.5. Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang.

a. Thoát nước thải:

- Khu vực đô thị: Giai đoạn đến năm 2030, tập trung hoàn thiện hệ thống thoát nước tại đô thị trung tâm tách riêng nước thải và nước mặt; Nâng công suất nhà máy xử lý nước thải tại thị trấn Hương Khê lên 3.000 m³/ngđ để đáp ứng nhu cầu của thị trấn và vùng phụ cận.

- Khu vực nông thôn: 100% các hộ gia đình phải sử dụng hố xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- Khu du lịch: Yêu cầu cao về vệ sinh môi trường, khu du lịch có mật độ xây dựng thấp, phân tán

- Các khu chức năng đặc biệt: Nước thải y tế phải được thu gom theo hệ thống riêng và phải xử lý theo quy trình riêng đến giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước.

- Nước thải công nghiệp:

+ Cụm công nghiệp, các điểm sản xuất trong các xã, thị trấn. Nước thải xử lý cục bộ trong nhà máy, điểm sản xuất. Làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung.

+ Tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề: Xử lý nước thải sơ bộ đạt cột B theo QCVN 40-2011/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp” trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước.

b. Chất thải rắn:

- Đối với chất thải lây nhiễm: Cơ sở y tế quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế; dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom; chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế.

- Đối với chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Xử lý dứt điểm lượng rác thải tồn đọng, duy trì hoạt động của nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Hương Thủy theo hướng từng bước chuyển đổi công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải trên địa bàn theo tình hình mới, dự kiến đến năm 2040 nâng công suất nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Hương Thủy lên 170 tấn/ng.đ để đảm bảo nhu cầu phục vụ.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp: Khai thác tối đa công suất Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh để xử lý chất thải công nghiệp trong Khu kinh tế Vũng Áng và các địa bàn khác trong tỉnh. Xây dựng

thêm 01 nhà máy xử lý chất thải công nghiệp để đảm bảo nhu cầu xử lý chất thải công nghiệp phát sinh trên địa bàn.

c. Nghĩa trang: Các nghĩa trang tại các đơn vị cấp xã tuân thủ theo quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch chung xây dựng các xã.

Quy hoạch 02 nghĩa trang tập trung: tại xã Hương Thủy (khoảng 25ha) phục vụ cho Thị trấn, Phú Phong, đô thị Phúc Đông và các xã Hương Thủy, Hương Long, Hương Bình, Gia Phố và các vùng phụ cận; tại xã Hà Linh (khoảng 30ha) phục vụ cho xã Hà Linh và các vùng phụ cận.

Khu vực nông thôn: Các nghĩa trang phân tán khu vực nông thôn, không đủ khoảng cách ly theo quy chuẩn, phải có kế hoạch ngừng hung táng, trồng cây xanh cách ly. Sử dụng nghĩa trang theo quy hoạch chung xã.

2.6. Quy định đối với công trình thông tin liên lạc

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, phù hợp Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Hà Tĩnh.

Mạng thông tin khu vực sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy cập Internet và mạng truyền thanh, truyền hình.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ

1.1 Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16% đến 18%.

1.2. Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.3. Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BDTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD – Công trình giao thông.

1.5. Đối với đường Thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước. Nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo “ Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD – Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi tối thiểu 30m kể từ chân tường các công trình xử lý.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát. Trong các khu cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước thải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng.

3.3. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm.

3.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ Thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.5. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD - Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

6.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

6.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

7.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định 23/2016/NĐ-CP Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

7.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

8. Quy định về bảo vệ môi trường

8.1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về việc đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

8.2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về “Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

8.3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

8.4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh

Quản lý thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng

2.1. Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hóa số năm 2013; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh;

2.2. Di tích xếp hạng cấp Quốc gia gồm : Di tích Sở chỉ huy sở Tiền phương Tổng cục Hậu cần – BTL Trường Sơn-BTL đoàn 559, 500, Khu di tích LS-VH Rôc Cồn, Mộ và đền thờ Ngô Đăng Minh, Địa điểm chứng tích tội ác chiến tranh tại trường cấp 2 Hương Phúc, Thành Sơn Phòng – Đền Trầm Lâm – Đền Công Đồng.

2.3. Di tích xếp hạng cấp Tỉnh gồm: Nhà thờ họ Nguyễn Quốc, Nhà thờ Trần Phúc Hoàn, Chùa Bảo Lâm, Nhà thờ Võ Đình Cận, Chùa Hạ Phúc, Đền Hợp Tự (Đền Voi ngựa và Chùa Phúc Linh), Đền Ngàn Trụ, Nhà thờ Phạm Đình Ban, Phạm Đình Chân, Nhà thờ Hồ Văn Hoa, Đền Nhạ Sơn, Đền Tam Tòa, Nhà thờ họ Đặng, Nhà thờ họ Mai, Nhà thờ Trần Bá Tước, Đền Phúc Âm, Bến Phà Địa Lợi, Đền Nhà Rồng, Điện Đông, Nhà thờ họ Trần Nam Trạch Hương Bình và mộ Trần Công Toán.

3. Quy định về bảo vệ, bảo tồn các khu vực khác

3.1. Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Tổng diện tích đất rừng của huyện là 99.143,76ha, trong đó rừng sản xuất có 50.861,47 ha, rừng phòng hộ có 30.971,19ha, rừng đặc dụng có 17.311,09ha. Rừng Hương Khê chủ yếu là rừng tự nhiên chiếm 72,2% tổng diện tích rừng, các loại gỗ quý như Pomu, lim, gụ, dổi, táu, vàng tâm...

3.2. Khu vực hồ đập

Trên địa bàn huyện có các hồ, đập có quy mô lớn, vừa và nhỏ có dung tích 0,1 triệu m³ đến 20 triệu m³. Khi khai thác du lịch và nguồn nước ngọt cung cấp sinh hoạt cần có các biện pháp bảo vệ an toàn hồ đập và lưu vực nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, an toàn hồ đầu nguồn.

3.3. Các khu vực di tích, bảo tồn: có các giải pháp trong quá trình cải tạo, xây dựng, quy hoạch phát triển để nhằm bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, di chỉ văn hóa của huyện như: Thành Sơn Phòng – Hàm Nghi (xã Phú Gia), Đền Trầm Lâm và Đền Đức Đại Vương ngàn Trụ (xã Phú Gia), Rôc Cồn (xã Phú Phong); Chùa Vĩnh Đại và đền thờ Trần Phúc Hoàn tại xã Hương Vĩnh. Di tích Sở Chỉ Huy tiền phương tổng cục hậu cần, Đoàn 559, đoàn 500 (xã Hương Đô), Khu

chứng tích chiến tranh Hương Phúc (xã Hương Trạch) và các di tích lịch sử cấp tỉnh và quốc gia khác.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các phòng, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Phòng chuyên môn quản lý xây dựng, phối hợp các phòng, đơn vị có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện, các xã, thị trấn ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 12. Quy định này được ấn hành và lưu trữ cùng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10

năm 2023 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- UBND tỉnh Hà Tĩnh
- Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh
- Ủy ban nhân dân huyện Hương Khê
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn của huyện Hương Khê

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ